TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DSST
Ngày 05-02-2021
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Thế Khuynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Khoát;

Ông Hoàng Xuân Cương.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mè Thị H, sinh năm 1975; cư trú tại: Thôn C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Linh Văn S, sinh năm 1974; cư trú tại: Thôn Cây H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mè Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mè Thị H và ông Linh Văn S chung sống với nhau từ năm 1994 không có đăng ký kết hôn. Trước khi cưới bà Mè Thị H và ông Linh Văn S được tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, được khoảng 15 năm vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, bà H và ông S đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2015 đến nay. Nay xác định tình cảm không còn, nên bà Mè Thị H yêu cầu ly hôn với ông Linh Văn S.

Về con chung: Bà Mè Thị H và ông Linh Văn S có 02 con chung là Linh Hà Đ, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1994 và Linh Văn H, sinh ngày 30 tháng 5 năm 1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Mè Thị H và ông Linh Văn S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Mè Thị H và ông Linh Văn S không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung và tài sản chung. Bà H và ông S đến chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, nên Toà án chỉ mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải.

Toà án đã tiến hành xác minh tại Uỷ ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo quy định.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 20 tháng 01 năm 2020 ông Linh Văn S trình bày: Ông đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng do công việc bận ông S không về tham gia phiên tòa được đề nghị Toà án giải quyết xét xử vắng mặt. Về quan hệ hôn nhân, ông Linh Văn S đồng ý ly hôn với bà Mè Thị H, về con chung, tài sản chung, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia Tố tụng của nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử không công nhận bà Mè Thị H và ông Linh Văn S là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung: Bà Mè Thị H và ông Linh Văn S đều không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Linh Văn S xin xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Mè Thị H và ông Linh Văn S về chung sống với nhau như vợ chồng, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là trái với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Mè Thị H và ông Linh Văn S không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, bà Hạnh có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn với ông Sằm là có căn cứ, đúng theo khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn gia đình: Bà Mè Thị H cho rằng do hai vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, nên thường xuyên cãi, chửi nhau, mặt khác ông S không chăm lo kinh tế gia đình, hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Từ đó hai người không quan tâm chăm sóc đến nhau, tình cảm không còn cả hai bên đều nhất trí từ bỏ cuộc sống chung. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ không công nhận bà Mè Thị H và ông Linh Văn S là vợ chồng.

[4] Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần tuyên bố không công nhận bà Mè Thị H và ông Linh Văn S là vợ chồng.

[5] Về con chung bà Mè Thị H và ông Linh Văn S có hai người con chung, các con đã trưởng thành (trên 18 tuổi) đã có gia đình riêng, không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mè Thị H và ông Linh Văn S không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Mè Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mè Thị H, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Mè Thị H và ông Linh Văn S.

2. Về án phí: Bà Mè Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Mè Thị H đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000432 ngày 01/12/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt

tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Chi Lăng;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thế Khuynh